

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ
TỈNH HÀ NAM**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2025/HNGĐ-ST

Ngày 16 - 5 - 2025

V/v: “*Kiện xin ly hôn,
nuôi con chung*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ - TỈNH HÀ NAM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mai Oanh.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Chí Trung và bà Nguyễn Thị Chương.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hà - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 09/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2025 về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2025/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

* Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1986.

Nơi ĐKTT: Tổ dân phố T, phường L, thành phố ý, tỉnh Hà Nam.

Chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố Đ, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

(Tại phiên tòa anh T có đơn xin xét xử vắng mặt, chị H vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị H kết hôn trên tinh thần tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Ti, huyện D (nay là phường L, thành phố P), tỉnh Hà Nam vào ngày 01/01/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã. Mâu thuẫn trầm trọng kéo dài không thể hàn gắn nên anh chị đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay,

không bên nào còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Nay anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

Về con chung: Anh T xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Việt H1 (con trai), sinh ngày 11/01/2010. Khi vợ chồng ly hôn, anh xin nuôi con chung; trường hợp chị Nguyễn Thị H vẫn kiên quyết nuôi cháu Nguyễn Việt H1 thì anh cũng đồng ý giao cháu H1 cho chị H nuôi dưỡng, và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000đ/tháng đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi.

Về con nuôi, con riêng, tài sản chung, tài sản riêng, công nợ: Anh Nguyễn Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng chị H vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó Tòa án không lấy được ý kiến của bị đơn.

* Tại bản tự khai ngày 11/4/2025, cháu Nguyễn Việt H1 xác định hiện nay cháu đang ở với chị Nguyễn Thị H, khi bố mẹ ly hôn, nguyện vọng của cháu xin được ở với mẹ.

* Quan điểm của UBND phường L: Anh Nguyễn Văn T có đơn xin ly hôn chị Nguyễn Thị H, đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn và nuôi con chung theo quy định pháp luật.

* Tại phiên toà hôm nay: Anh Nguyễn Văn T vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt và quan điểm giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn chị Nguyễn Thị H vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần và không có văn bản gửi Tòa nêu quan điểm về việc giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến thời điểm HĐXX nghị án: đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T:

1/ Xử lý hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị H.

2/ Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Việt H1 (con trai), sinh ngày 11/01/2010, anh Nguyễn Văn T phải cấp dưỡng

nuôi con chung cho chị H mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi.

3/ Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét thấy yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về việc xét xử vắng mặt: Anh Nguyễn Văn T đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị Nguyễn Thị H được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai; do đó việc xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn tại phiên tòa là phù hợp với quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện D (nay là phường L, thành phố P), tỉnh Hà Nam vào ngày 01/01/2009 đã thỏa mãn với điều kiện, thủ tục kết hôn được Luật Hôn nhân và Gia đình bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Văn T, HĐXX thấy rằng: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã. Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị H đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay, không bên nào còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Xét thấy, cuộc hôn nhân của vợ chồng anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy việc giải quyết cho anh T và chị H được ly hôn là cần thiết nên xử cho ly hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị H là phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Thời điểm chấm dứt quan hệ hôn nhân thực hiện theo Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị H có một con chung là cháu Nguyễn Việt H1 (con trai), sinh ngày 11/01/2010. Hiện nay cháu H1 đang ở cùng chị H. Anh T đồng ý giao con chung Nguyễn Việt H1 cho chị H nuôi dưỡng, đồng thời cháu H1 cũng có nguyện vọng được ở cùng chị H. Căn cứ quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; HĐXX giao cháu H1 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu H1 là 2.000.000 đồng/01 tháng là đúng pháp luật. Quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung khi ly hôn thực hiện theo pháp luật quy định.

Con nuôi, con riêng: các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[5] Về tài sản riêng, tài sản chung và công nợ: Anh Nguyễn Văn T không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải nộp theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.
 Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 143; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Xử lý hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị H. Thời điểm chấm dứt quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị H kể từ ngày bản án xử lý hôn nhân có hiệu lực pháp luật.

2/ Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Nguyễn Việt H1 (con trai), sinh ngày 11/01/2010, anh Nguyễn Văn T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng/01 tháng, kể từ tháng 5/2025 cho đến khi cháu Nguyễn Việt H1 đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Con nuôi, con riêng: Không có.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3/ Về án phí sơ thẩm:

- Về án phí ly hôn: Anh Nguyễn Văn T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

- Về án phí cấp dưỡng: Anh Nguyễn Văn T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Anh Nguyễn Văn T được đối trừ với 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0002125 ngày 11 tháng 02 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, anh T còn phải nộp tiếp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm, anh T, chị H vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành bản án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND TP Phủ Lý;
- Chi cục THA dân sự TP Phủ Lý;
- UBND phường L, TP Phủ Lý, tỉnh Hà Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Mai Oanh